

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-5-2021

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Ông Trần Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 606/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ 13, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; **có mặt**.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Duy N**, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ 13, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Ng chung sống vợ chồng vào năm 1989, do tự nguyện, không có đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cự cãi nhau, bà cố gắng chờ con thành niên. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông Phạm Duy N có 03 con chung Phạm Thị N, sinh ngày 16/9/1990; Phạm Duy N, sinh ngày 18/6/1997 và Phạm Thị Cẩm H, sinh ngày 20/7/1999. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, tự lao động nuôi sống được bản thân, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Duy N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng ông N không đến nên không có lời khai của ông N và không tiến hành thủ tục công khai chứng cứ được. Do đó, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục đúng theo quy định để giải quyết vụ án vắng mặt ông N.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị T có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với ông N; ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 68, 96, 97, 98, 195, 196, 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Duy N.

+ Về con chung: Bà và ông Phạm Duy N có 03 con chung Phạm Thị N, sinh ngày 16/9/1990; Phạm Duy N, sinh ngày 18/6/1997 và Phạm Thị Cẩm H, sinh ngày 20/7/1999. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, tự lao động nuôi sống được bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Duy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Duy N chung sống vợ chồng từ năm 1999 đến nay; ông, bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông N, nên căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông N.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Duy N có 03 con chung Phạm Thị N, sinh ngày 16/9/1990; Phạm Duy N, sinh ngày 18/6/1997 và Phạm Thị Cẩm H, sinh ngày 20/7/1999. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, tự lao động nuôi sống được bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV).

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Duy N.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Duy N có 03 con chung Phạm Thị N, sinh ngày 16/9/1990; Phạm Duy N, sinh ngày 18/6/1997 và Phạm Thị Cẩm H, sinh ngày 20/7/1999. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, tự lao động nuôi sống được bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004837 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Duy N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự ;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ (Triều).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh